

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500:  
Khu vực thực hiện dự án Sắp xếp ổn định dân cư cho các hộ dân  
Thôn La Ca, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4 /2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000; Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị quyết số 280/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá về Chủ trương đầu tư Dự án: Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn La Ca, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước.

Căn cứ Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bá Thước về quyết định chủ trương dự án Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và giải phóng mặt bằng khu vực thực hiện dự án Sắp xếp ổn định dân cư cho các hộ dân thôn La Ca, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước;

Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 03/6/2023 của UBND huyện Bá Thước về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ

*lệ 1/500 khu vực thực hiện dự án Sắp xếp ổn định dân cư cho các hộ dân thôn La Ca, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 191/NQ-HĐND ngày 18/8/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bá Thước về việc thông qua đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 khu sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn La Ca, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước tại Tờ trình số 193/TTr-BQLDA ngày 11/7/2023 về việc về việc xin phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu vực thực hiện dự án Sắp xếp ổn định dân cư cho các hộ dân thôn La Ca, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước và Báo cáo thẩm định của phòng Kinh tế và Hạ tầng.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu vực thực hiện dự án Sắp xếp ổn định dân cư cho các hộ dân thôn La Ca, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước với những nội dung chính như sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 khu sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn La Ca, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước.

**2. Cấp Quyết định chủ trương đầu tư:** HĐND huyện Bá Thước.

**3. Cấp Quyết định đầu tư:** UBND huyện Bá Thước.

**4. Chủ đầu tư:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước.

**5. Đơn vị lập đồ án quy hoạch:** Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng Đại An - MĐC Thanh Hóa.

### **6. Phạm vi ranh giới và diện tích khu đất lập quy hoạch**

#### **6.1. Phạm vi ranh giới**

\* Phạm vi nghiên cứu quy hoạch và thiết kế xây dựng khu tái định cư thuộc thôn La Ca, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước.

Ranh giới được xác định như sau:

- + Phía Đông: giáp hồ nước hiện trạng;
- + Phía Tây: giáp đường giao thông hiện trạng;
- + Phía Nam: giáp suối;
- + Phía Bắc: giáp dân cư hiện trạng.

1.2. Diện tích lập quy hoạch khoảng: 15.773,08 m<sup>2</sup>.

**7. Tính chất chức năng:** Là khu tái định cư mới cho người dân thôn La Ca, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước.

**8. Quy hoạch sử dụng đất:** Từ cơ cấu tổ chức không gian kiến trúc, tiến hành tính toán và phân bố quỹ đất theo cơ cấu không gian và chức năng như sau:

BẢNG CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT								
Số TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)	Mật Độ XD	Tầng cao	Hệ số SDD	Số lô đất
<b>1</b>	<b>Đất ở tái định cư</b>	<b>TDC</b>	<b>4.950,00</b>	<b>31,4</b>				<b>33</b>
<b>1.1</b>	<b>Đất ở tái định cư 01</b>	<b>TDC-01</b>	<b>2.400,00</b>		<b>80%</b>	<b>1-3</b>	<b>0,8-2,4</b>	<b>16</b>
	<i>Đất ở tái định cư 1-01</i>	<i>TDC1-01</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 1-02</i>	<i>TDC1-02</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 1-03</i>	<i>TDC1-03</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 1-04</i>	<i>TDC1-04</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 1-05</i>	<i>TDC1-05</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 1-06</i>	<i>TDC1-06</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 1-07</i>	<i>TDC1-07</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 1-08</i>	<i>TDC1-08</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 1-09</i>	<i>TDC1-09</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 1-10</i>	<i>TDC1-10</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 1-11</i>	<i>TDC1-11</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 1-12</i>	<i>TDC1-12</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 1-13</i>	<i>TDC1-13</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 1-14</i>	<i>TDC1-14</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 1-15</i>	<i>TDC1-15</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 1-16</i>	<i>TDC1-16</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
<b>1.2</b>	<b>Đất ở tái định cư 02</b>	<b>TDC-02</b>	<b>1.650,00</b>			<b>1-3</b>	<b>0,8-2,4</b>	<b>11</b>
	<i>Đất ở tái định cư 2-01</i>	<i>TDC2-01</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 2-02</i>	<i>TDC2-02</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 2-03</i>	<i>TDC2-03</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 2-04</i>	<i>TDC2-04</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 2-05</i>	<i>TDC2-05</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 2-06</i>	<i>TDC2-06</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 2-07</i>	<i>TDC2-07</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 2-08</i>	<i>TDC2-08</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 2-09</i>	<i>TDC2-09</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 2-10</i>	<i>TDC2-10</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 2-11</i>	<i>TDC2-11</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
<b>1.3</b>	<b>Đất ở tái định cư 03</b>	<b>TDC-03</b>	<b>900,00</b>		<b>80%</b>	<b>1-3</b>	<b>0,8-2,4</b>	<b>6</b>
	<i>Đất ở tái định cư 3-01</i>	<i>TDC3-01</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 3-02</i>	<i>TDC3-02</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 3-03</i>	<i>TDC3-03</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 3-04</i>	<i>TDC3-04</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 3-05</i>	<i>TDC3-05</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
	<i>Đất ở tái định cư 3-06</i>	<i>TDC3-06</i>	<i>150,00</i>			<i>1-3</i>	<i>0,8-2,4</i>	
<b>2</b>	<b>Đất dân cư hiện trạng</b>	<b>DCHT</b>	<b>1.333,00</b>	<b>8,5</b>				
	Đất dân cư hiện trạng 01	DCHT-01	343,12					

	Đất dân cư hiện trạng 02	DCHT-02	989,88					
<b>3</b>	<b>Đất cây xanh</b>	<b>CX</b>	<b>280,00</b>	<b>1,8</b>				
	Đất cây xanh 01	CX-01	130,00					
	Đất cây xanh 02	CX-02	150,00					
<b>4</b>	<b>Đất giao thông, HTKT</b>		<b>9.210,08</b>	<b>58,4</b>	-	-	-	-
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>15.773,08</b>	<b>100,0</b>				

### **9. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:**

- Trên cơ sở địa hình có cao độ biến thiên của khu đất, dọc theo đường đồng mức hình thành khu ở mới với loại hình nhà trệt phục vụ nhu cầu tái định cư cho người dân và tạo tiền đề phát triển hình thái điểm dân cư trong tương lai.

- Nhà văn hóa, khuôn viên cây xanh, sân thể dục thể thao trong khu vực đã được bố trí trong khu vực thôn tại vị trí khác, đáp ứng đủ không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng cho dân cư trong khu vực;

### **10. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:**

#### **10.1. Quy hoạch giao thông**

##### **10.1.1. Nguyên tắc thiết kế**

- Hệ thống giao thông đảm bảo đáp ứng nhu cầu vận tải, liên hệ tốt giữa trong và ngoài khu vực lập quy hoạch.

- Phát triển mạng lưới giao thông bền vững gắn liền với giữ gìn cảnh quan thiên nhiên và môi trường.

- Tổ chức mạng lưới giao thông theo mạng giao thông nội bộ linh hoạt.

- Thiết kế quy hoạch giao thông đảm bảo các yêu cầu về kinh tế, kỹ thuật, tiêu chuẩn quy phạm và đảm bảo mức đầu tư phù hợp và đạt hiệu quả cao nhất.

##### **10.1.2. Giải pháp thiết kế**

- Phía trước các hộ tái định cư bố trí đường bê tông (đường GTNT loại D mặt đường BTXM M250) phục vụ đi lại cho bà con Nhân dân, có mặt cắt:

+ Chiều rộng nền đường  $B_n = 12,5m$ ;

+ Chiều rộng mặt đường  $B_m = 5,5m$ ;

+ Chiều rộng lề  $B_l = 2 + 5,0m = 7,0m$ ;

+ Độ dốc ngang mặt đường  $i_m = 1,5\%$ ;

- Kết cấu mặt đường BTXM:

+ Lớp Bê tông xi măng M250 dày 16cm.

+ Lót nilon tái sinh chống thấm.

+ Lớp cát tạo phẳng dày 3cm.

+ Khe co giãn: Bố trí 5m/khe co; 40m (8 khe co)/khe giãn.

\* Cẩm mốc hệ thống giao thông:

- Hệ thống các mốc đường thiết kế cắm theo tim tuyến của các trục đường tại các ngã giao nhau trong bản đồ quy hoạch giao thông và cắm mốc đường đồ tỷ lệ 1/500.

- Toạ độ Y và X của các mốc thiết kế được tính toán trên lưới toạ độ của bản đồ đo đạc tỷ lệ 1/500 theo hệ toạ độ quốc gia. Cao độ các mốc thiết kế xác định dựa vào cao độ nền của bản đồ đo đạc tỷ lệ 1/500 theo hệ cao độ Nhà nước và cao độ hiện trạng các tuyến đường đã có dự án xây dựng.

- Vị trí các mốc thiết kế được xác định trên cơ sở toạ độ Y và X của các mốc thiết kế, kết hợp với toạ độ của các mốc cố định (bê tông) trong lưới đường chuyên cấp I và II của hệ toạ độ đo đạc trong bản đồ đo đạc tỷ lệ 1/500.

\* Xác định chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng:

Chỉ giới đường đỏ các tuyến đường tuân thủ theo quy mô bề rộng lộ giới trong quy hoạch, được xác định cụ thể theo mặt cắt ngang đường được thể hiện trên bản đồ quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ - chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/500.

Chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

## **10.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật**

### **10.2.1. San nền**

- San gạt nền với khối lượng lớn (hạn chế tối đa đắp nền, tận dụng đất đào để đắp nền) nhằm tạo đủ quỹ đất, đảm bảo tiêu thoát nước tốt, không bị ảnh hưởng của các tai biến từ thiên nhiên, đặc biệt là lũ quét.

- Chia khu vực xây dựng khu tái định cư được thiết kế thành 01 cấp cao độ.

- Thiết kế san nền tuân thủ theo các cao độ khống chế của các tim trục đường, độ dốc, hướng dốc của khu vực, kết hợp với việc xem xét các cao độ hiện trạng các tuyến đường để đảm bảo việc tôn nền đảm bảo tiêu thoát nước và không gây ảnh hưởng tới khu vực hiện trạng dân cư đang ổn định.

### **10.2.2. Thoát nước**

- Mạng lưới thoát nước:

+ Thiết kế hệ thống mương xây gạch nắp đan chạy dọc đường, có nhiệm vụ thu nước mưa; hệ thống thu nước thải độc lập từ các hộ dân để thoát về suối hiện có nằm phía đông dự án. Kích thước B500; Mạng lưới phân tán để giảm kích thước đường cống. Độ dốc dọc cống lấy tối thiểu là 1/D. Giếng thu kiểu trực tiếp có khoảng cách 30-60m.

+ Với những đoạn mương qua đường, thiết kế nắp đan chịu lực.

+ Nước thải từ các hộ dân cư được xử lý qua bể tự hoại trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung.

- Thiết kế rãnh hở xây đá hộc vận hành tự chảy hoàn toàn, kích thước B500; Mạng lưới phân tán để giảm kích thước đường cống. Độ dốc dọc cống lấy tối thiểu là 1/D. Giếng thu kiểu trực tiếp có khoảng cách 30-60m.

- Hệ thống thoát nước đảm bảo đầy đủ, đồng bộ từ tuyến thoát nước đến ga thu, giếng thăm đúng các yêu cầu kỹ thuật.

## **10.3. Quy hoạch hệ thống cấp điện, chiếu sáng**

### Phần đường điện trung áp 35kV

Xây dựng tuyến đường dây trung 35KV dài 280m đầu nối tại cột điện trung áp hiện có; Kết cấu đường dây dùng cột LT 20m, dây dẫn AsV-70.

### Phần trạm biến áp 35/0,4kV

Xây dựng trạm biến áp cấp điện cho khu tái định cư theo biểu đồ đăng ký phụ tải và phương án thỏa thuận đầu nối công trình điện giữa chủ đầu tư với Điện lực Bá Thước vị trí tại cột số 03 nhánh rẽ Eo Điều lộ 373 E9.12. Trạm có kết cấu như sau: Trạm treo trên 2 cột bê tông ly tâm LT-12C hình  $\pi$ . Khoảng cách giữa 2 tâm cột là 3.0m. Công suất Máy biến áp: 100kVA-35/0,4kV.

### Phần điện hạ thế

- Đường dây 0.4KV cấp điện cho khu tái định cư được dùng cáp nhôm vặn xoắn AL/PVC 4x50, AL/PVC 4x35, AL/PVC 4x25 và AL/PVC 4x16 có tổng chiều dài 560m. Cáp được cố định trên cột bê tông ly tâm 8.5m bằng các đai thép không rỉ 1T đối với cột đơn và 2T đối với cột đôi đi dọc theo trục đường giao thông nội khu. Móng cột dùng móng cột đơn MT-1 và móng cột đôi MT-2. Cột điện trên tuyến dùng cột bê tông ly tâm 8.5B và 8.5D. Toàn bộ các tủ công tơ cấp điện đến các hộ dân cư được đặt tại các cột BTLT-8.5B.

- An toàn cho hệ thống điện

- Tại các vị trí móng cột đều được thực hiện tiếp đất lặp lại bằng tiếp địa RC-1 (01 cọc tiếp địa L63x63x6, dài 2.5m), riêng vị trí cột đầu tuyến và cuối tuyến thực hiện tiếp đất bằng tiếp địa lặp lại RC-2.

Đối với KCN chiếu sáng bao gồm:

+ Chiếu sáng các công trình giao thông: Chiếu sáng đường giao thông, các bảng, biển cáo, bãi xe....

+ Chiếu sáng các công trình công trình và không gian công cộng: ...

Nguồn điện ~380/220V cấp cho các tủ điện chiếu sáng sẽ lấy từ tủ phân phối điện hạ thế của các trạm biến áp.

### 10.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước

Nguồn nước: Nguồn nước chính được lấy từ giếng đào (mạch ngầm) phía Bắc của khu vực được bơm lên các bể chứa nước (kích thước 6 x 4 x 2,5m). Nước từ bể chứa tự chảy cấp cho các hộ dân.

Giải pháp mạng lưới và đường ống cấp nước:

- Ống sử dụng là ống nhựa HDPE - PE80 PN12 - ISO 4427/DIN8074, sản xuất trong nước.

- Phụ tùng nối ống, van, đai khởi thủy đồng bộ sản xuất trong nước.

- Đoạn ống cắt ngang qua đường đi lồng trong ống thép mạ kẽm.

- Ống qua suối sử dụng ống thép mạ kẽm đi dọc trên mép bê tông thành cầu, sử dụng giá đỡ thép. Ống qua cầu được cố định vào giá đỡ và cố định vào thành cầu bằng bulong nở inox.

- Bố trí van xả khí để xả khí trong tuyến ống dẫn tại vị trí thay đổi cao độ

(vị trí cao nhất tuyến ống dẫn).

- Van xả cặn dùng để xả cặn trong tuyến ống dẫn, van đặt ở vị trí cao độ thấp nhất trên tuyến.

- Phụ thuộc vào điều kiện địa hình, có vị trí đoạn ống đi nổi trên mặt đất, vị trí ống đi ngầm trong nền đất độ sâu chôn ống là 30cm.

- Bố trí tê chờ đầu nối cấp nước vào từng lô đất, thiết kế điểm đầu nối cấp nước từng hộ cách chỉ giới đường đỏ 1,5m.

### **10.5. Quy hoạch chất thải rắn và VSMT**

- Nước thải sinh hoạt sẽ được thải chung với hệ thống thoát nước mưa.

- Chất thải rắn từ các hộ gia đình và các công trình khác được thu gom vào thùng rác công cộng đặt dọc theo các tuyến đường giao thông hoặc trong các khu vực công cộng. Chất thải rắn thu gom và xử lý 100%.

**11. Nguồn vốn:** Vốn ngân sách huyện.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ gửi về Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa, BND huyện, phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Cổ Lũng kiểm tra đóng dấu thẩm định, dấu thỏa thuận; lưu trữ hồ sơ theo quy định làm cơ sở quản lý và thực hiện. Phối hợp với UBND xã Cổ Lũng và các đơn vị có liên quan tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch đã được duyệt quy định.

2. Các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa - Thông tin; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước; Chủ tịch UBND xã Cổ Lũng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3QĐ;
- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Quang Huy**